TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **432**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Luật Phí và Lệ Phí năm 2015; Căn cứ Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 388/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Anh Vũ Minh T;** Sinh năm: 1978; Căn cước số 030078006532 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/06/2022.

Địa chỉ thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn M, xã K, thành phố Hải Phòng.

- **Chị Trương Thị Y;** Sinh năm: 1983; Căn cước công dân số 038183048496 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/08/2021.

Địa chỉ thường trú: Thôn M, xã K, thành phố Hải Phòng.

Nơi ở hiện tại: Số E ngách E Q, phường C, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 05/12/2002 của UBND xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương (nay là xã K, thành phố Hải Phòng). Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận nuôi con, tài sản sau khi ly hôn ngày 26 tháng 3 năm 2026.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Minh T và chị Trương Thị Y đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 12 năm 2002 tại UBND xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương (nay là xã K, thành phố Hải Phòng) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống hòa thuận đến tháng 7 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, thiếu sự tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau. Nay hai bên đều khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ anh chị có nguyện vọng yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị là có căn cứ.

Về con chung: Anh T và chị Y có 04 con chung: cháu Vũ Thanh T1, sinh ngày 06/11/2002, giới tính: nữ, cháu Vũ Thanh N, sinh ngày 18/3/2007, giới tính: nữ, cháu Vũ Thanh M, sinh ngày 12/6/2010, giới tính: Nữ và cháu Vũ Anh D, sinh ngày 29/12/2014, giới tính: nam. Ly hôn, anh chị thỏa thuận anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Thanh M, chị Y là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Anh D, hai bên

không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Cháu Vũ Thanh T1 và Vũ Thanh N đã trưởng thành trên 18 tuổi việc ở với ai là do các cháu tự quyết định, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T và chị Y không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T và chị Y không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí: Chị Y tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-*Về quan hệ hôn nhân*: Anh Vũ Minh T và chị Trương Thị Y xác định tình cảm không còn nên thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh T và chị Y có 04 con chung: cháu Vũ Thanh T1, sinh ngày 06/11/2002, giới tính: nữ, cháu Vũ Thanh N, sinh ngày 18/3/2007, giới tính: nữ, cháu Vũ Thanh M, sinh ngày 12/6/2010, giới tính: Nữ và cháu Vũ Anh D, sinh ngày 29/12/2014, giới tính: nam. Cháu Vũ Thanh T1 và Vũ Thanh N đã trưởng thành trên 18 tuổi việc ở với ai là do các cháu tự quyết định, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, anh chị thỏa thuận anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Thanh M, chị Y là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Anh D. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T và chị Y cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh T và chị Y được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Anh T và chị Y không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh T và chị Y không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về lệ phí:* Chị Y tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm. Chị Y đã nộp theo biên lai số 0007070 ngày 25/3/2026 tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 4 – Hà Nội. Chị Y đã nộp đủ.

2. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 4 – Hà Nội;
-UBND xã K, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Thẩm phán

Phạm Thị Thu Ngân